

Số: 1009 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý IV/2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-ĐHNT ngày 28/02/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của các sinh viên đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 141 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 98 sinh viên; cấp bằng Trung cấp chuyên nghiệp cho 03 sinh viên vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	K56 2014 - 2018	Cộng
1	Công nghệ chế biến thủy sản	-	-	02	-	02
2	Công nghệ thực phẩm	-	-	17	-	17
3	Công nghệ kỹ thuật hoá học	-	-	02	-	02
4	Công nghệ chế tạo máy	-	-	04	-	04
5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	-	-	03	01	04
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	-	-	01	-	01
7	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	-	01	01	-	02
8	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	01	06	-	07
9	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	01	05	-	06
10	Công nghệ sinh học	-	-	07	-	07
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	-	02	06	-	08
12	Kỹ thuật tàu thủy	-	-	01	-	01
13	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	01	-	12	-	13
14	Công nghệ thông tin	-	-	03	-	03
15	Hệ thống thông tin quản lý	-	-	01	-	01
16	Kế toán	-	-	17	-	17

15.

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	K56 2014 - 2018	Cộng
17	Tài chính – Ngân hàng	-	01	08	-	09
18	Ngôn ngữ Anh	-	01	02	-	03
19	Nuôi trồng thủy sản	-	-	08	-	08
20	Quản lý nguồn lợi thủy sản	-	-	01	-	01
21	Quản lý thủy sản	-	-	01	-	01
22	Kinh doanh thương mại	-	02	04	-	06
23	Kinh tế nông nghiệp	-	-	05	-	05
24	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	07	-	07
25	Quản trị kinh doanh	-	01	05	-	06

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011 - 2014	K54 2012 - 2015	K55 2013 - 2016	K56 2014 - 2017	Cộng
1	Công nghệ chế biến thủy sản	01	-	01	01	03
2	Công nghệ thực phẩm	-	-	12	08	20
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	-	02	02
4	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	-	02	03	05
5	Công nghệ sinh học	-	-	02	01	03
6	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	-	-	-	01	01
7	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	-	-	01	02	03
8	Công nghệ thông tin	-	02	-	01	03
9	Kinh doanh thương mại	-	-	-	01	01
10	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	02	10	12
11	Quản trị kinh doanh	02	-	06	07	15
12	Kế toán	01	-	02	21	24
13	Nuôi trồng thủy sản	01	-	02	03	06

C. Trung cấp chuyên nghiệp

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011 - 2013	K55 2013 - 2015	Cộng
1	Công nghệ thực phẩm	-	01	01
2	Kế toán doanh nghiệp	01	01	02

Điều 2. Trưởng phòng, khoa, viện liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *57.*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐT.





DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ IV NĂM 2017

Theo Quyết định số 1009 /QĐ-ĐHNT ngày 12 / 10 /2017

Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55131047	Phạm Thị Thanh My	08/03/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55.CBTS
2	55134380	Đỗ Thị Anh Thư	20/12/1995	Bình Định	Nữ	Trung bình	55.CBTS

Danh sách có 02 sinh viên

2. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55130104	Trần Minh Cảnh	15/11/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CNTP-1
2	55130390	Nguyễn Đình Hà	10/04/1995	Hà Tĩnh	Nam	Trung bình	55.CNTP-1
3	55134063	Vũ Thị Thanh Hằng	08/03/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNTP-1
4	55134404	Nguyễn Minh Hiếu	08/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNTP-1
5	55130690	Trần Kim Huệ	15/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNTP-1
6	55130719	Võ Đình Huy	03/04/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNTP-1
7	55130933	Lê Mai Phương Loan	24/05/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.CNTP-2
8	55131184	Võ Thị Thảo Nguyên	21/12/1995	Quảng Trị	Nữ	Khá	55.CNTP-2
9	55134096	Vũ Thành Phi	21/10/1994	Thái Bình	Nam	Trung bình	55.CNTP-2
10	55131595	Nguyễn Thị Thanh Tâm	06/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNTP-3
11	55131731	Bùi Thị Xuân Thắm	03/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNTP-3
12	55133611	Nguyễn Hoài Thi	01/06/1994	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CNTP-3
13	55131940	Nguyễn Ngọc Tiên	04/12/1995	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	55.CNTP-3
14	55132176	Nguyễn Văn Trường	13/07/1995	Nghệ An	Nam	Khá	55.CNTP-3
15	55132251	Bùi Gia Tự	16/01/1995	Phú Yên	Nam	Khá	55.CNTP-3
16	55132423	Võ Kiều Như Ý	17/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNTP-3
17	55132412	Nguyễn Thị Kim Yến	22/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNTP-3

Danh sách có 17 sinh viên

3. Công nghệ kỹ thuật hoá học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55132992	Đỗ Thị Thanh Hiền	12/08/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNHH
2	55133095	Lương Văn Thảo	04/07/1995	Phú Yên	Nam	Khá	55.CNHH

Danh sách có 02 sinh viên

4. Công nghệ chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55134688	Đỗ Công Dũng	02/08/1995	Thái Bình	Nam	Khá	55.CTM
2	55135060	Nguyễn Thanh Đạt	25/08/1993	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	55.CTM
3	55133869	Nguyễn Hiệp Hưng	28/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CTM
4	55133946	Trần Đăng Khoa	16/06/1994	Thừa Thiên -Huế	Nam	Trung bình	55.CTM

Danh sách có 04 sinh viên

5. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55134379	Trần Thanh Chiêu	29/06/1995	Quảng Nam	Nam	Khá	55.CDT
2	55134691	Nguyễn Văn Thịnh	04/03/1995	Phú Yên	Nam	Giỏi	55.CDT
3	55132225	Đặng Duy Tùng	31/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CDT
4	56130175	Phạm Thái Cường	01/06/1996	Quảng Nam	Nam	Khá	56.CDT

Danh sách có 04 sinh viên

6. Công nghệ kỹ thuật cơ khí

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55131506	Nguyễn Tấn Sang	10/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.KTCK

Danh sách có 01 sinh viên

7. Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130868	Nguyễn Ngô Hoài	24/07/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.CNNL
2	55134658	Đặng Công Phúc	24/10/1995	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	55.CNNL

Danh sách có 02 sinh viên

8. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54131183	Lê Đức Sơn	15/09/1994	Quảng Trị	Nam	Khá	54.DDT
2	55130072	Trương Công Bằng	09/04/1992	Gia Lai	Nam	Khá	55.DDT-1
3	55130929	Phạm Ngọc Linh	07/08/1995	Phú Yên	Nam	Khá	55.DDT-1
4	55133941	Phạm Văn Sơn	07/09/1995	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	55.DDT-1
5	55130127	Nguyễn Hữu Chí	02/01/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.DDT-2
6	55130694	Long Quốc Hùng	21/05/1994	Lâm Đồng	Nam	Khá	55.DDT-2
7	55131426	Đặng Việt Hải	04/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.DDT-2

Danh sách có 07 sinh viên

9. Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130034	Ngô Tấn Đan	26/06/1994	Phú Yên	Nam	Trung bình	54.CNMT
2	55130186	Nguyễn Phúc Diện	13/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNMT-1
3	55130265	Trần Thị Duyên	06/08/1995	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	55.CNMT-1
4	55130803	Phạm Ngọc Khánh	12/12/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNMT-1
5	55131138	Ngô Nguyễn Như Ngọc	06/03/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNMT-1
6	55131570	Võ Trí Tài	13/03/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNMT-2

Danh sách có 06 sinh viên

10. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55130191	Huỳnh Thị Diệu	10/06/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.CNSH-1
2	55130236	Huỳnh Khánh Duy	03/06/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNSH-1
3	55130581	Lê Thị Thanh Hoa	20/07/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.CNSH-1
4	55130853	Huỳnh Thị Kim Lan	01/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-1
5	55130311	Trần Quốc Đạt	20/10/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CNSH-2
6	55131480	Đỗ Thị Hữu Ngọc	19/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNSH-2
7	55132014	Hồ Đoàn Quỳnh Trang	25/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNSH-2

Danh sách có 07 sinh viên

11. Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130058	Nguyễn Đức Định	24/12/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.CNOT
2	54131880	Võ Minh Giáo	30/12/1991	Khánh Hòa	Nam	Khá	54.CNOT
3	55134358	Đoàn Hải Anh	15/01/1995	Quảng Trị	Nam	Khá	55.CNOT
4	55130489	Phạm Văn Hậu	19/06/1995	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	55.CNOT
5	55133613	Ngô Ngọc Hoàng Huy	19/02/1995	Đà Nẵng	Nam	Trung bình	55.CNOT
6	55134062	Đặng Duy Nam	20/04/1995	Đắk Lắk	Nam	Khá	55.CNOT
7	55133986	Nguyễn Văn Tân	07/05/1995	Lâm Đồng	Nam	Trung bình	55.CNOT
8	55132729	Lê Minh Trí	06/09/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNOT

Danh sách có 08 sinh viên

12. Kỹ thuật tàu thủy

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55132100	Bùi Văn Trí	14/04/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.KTTT

Danh sách có 01 sinh viên

13. Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53131742	Trần Đình Tiến	10/06/1993	Hà Tĩnh	Nam	Trung bình	53.CNXD-2
2	55130097	Y Nel Bkrông	31/03/1994	Đắk Lắk	Nam	Khá	55.CNXD
3	55133602	Lê Trường Trọng	12/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD
4	55130609	Trần Quốc Hòa	12/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD
5	55134304	Nguyễn Quốc Khánh	21/02/1995	Quảng Bình	Nam	Trung bình	55.CNXD
6	55134822	Nguyễn Hữu Khương	20/02/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD
7	55130896	Nguyễn Đình Linh	02/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD
8	55134427	Phan Đình Linh	15/12/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNXD
9	55133897	Nguyễn Minh Phú	11/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD
10	55133546	Lê Trường Suốt	01/01/1994	Quảng Trị	Nam	Trung bình	55.CNXD
11	55135065	Nguyễn Thị Hồng Thảo	01/07/1995	Lâm Đồng	Nữ	Trung bình	55.CNXD
12	55131800	Nguyễn Lê Thọ	14/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD
13	55134530	Võ Ngọc Ý	27/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD

Danh sách có 13 sinh viên

14. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55134129	Nguyễn Việt Cang	18/05/1995	Bình Định	Nam	Trung bình	55.CNTT-1
2	55134274	Nguyễn Thành Luân	02/08/1995	Bình Định	Nam	Khá	55.CNTT-1
3	55132128	Nguyễn Thị Thu Trinh	18/10/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55.CNTT-2

Danh sách có 03 sinh viên

15. Hệ thống thông tin quản lý

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55133387	Lương Kim Thùy	09/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.TTQL

Danh sách có 01 sinh viên

16. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55131045	Nguyễn Thị Ngọc My	09/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KT-1
2	55136030	Lương Trần Thanh Nhã	29/04/1995	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	55.KT-1
3	55133196	Nguyễn Sỹ Đan	11/12/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.KT-2
4	55131079	Nguyễn Thị Bích Nga	12/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.KT-2
5	55131274	Nguyễn Trâm Quỳnh Như	20/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KT-2
6	55133710	Phan Nguyễn Như Quỳnh	19/08/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KT-2
7	55133658	Nguyễn Thị Sắc Son	19/05/1995	Hà Tĩnh	Nữ	Trung bình	55.KT-2
8	55133538	Hồ Thế Sơn	12/06/1995	Gia Lai	Nam	Khá	55.KT-2
9	55132025	Nguyễn Đình Thùy Trang	30/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KT-2
10	55133558	Đặng Hoàng Minh Tú	26/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.KT-2
11	55133447	Ngô Phương Uyên	29/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KT-2
12	55132365	Trương Uy Vũ	14/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.KT-2
13	55134045	Nguyễn Xuân Hòa	15/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.KT-3
14	55133599	Lê Yến Nhi	08/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.KT-3
15	55132059	Huỳnh Nguyễn Ngọc Trâm	06/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KT-3



16. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
16	55132291	Đinh Thị Thu	Vân	03/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KT-3
17	55132320	Trần Thị Thúy	Vi	07/07/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.KT-3

Danh sách có 17 sinh viên

17. Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54131248	Đặng Nguyễn Quốc	Tài	09/05/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.TCNH-2
2	55133539	Dương Công Tuấn	Anh	22/11/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.TCNH
3	55131038	Hoàng Nguyễn Huyền	My	13/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.TCNH
4	55131051	Nguyễn Hoàng Ái	Mỹ	08/03/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.TCNH
5	55131135	Lê Thị Bích	Ngọc	17/03/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.TCNH
6	55133485	Nguyễn Hồng	Quân	08/04/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.TCNH
7	55131528	Đặng Bá Xuân	Son	12/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.TCNH
8	55133349	Trần Thị Việt	Thao	02/03/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.TCNH
9	55131989	Nguyễn Văn Tiến	Toàn	25/02/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.TCNH

Danh sách có 09 sinh viên

18. Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54131634	Lê Võ	Trúc	04/09/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54.NNA-2
2	55130597	Hồ Thị Khánh	Hòa	04/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.NNA-1
3	55134561	Nguyễn Thị Trường	Vân	26/08/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.NNA-3

Danh sách có 03 sinh viên

19. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55130228	Phan Văn	Dũng	20/05/1995	Gia Lai	Nam	Khá	55.NTTS-1
2	55133690	Nguyễn Tuấn	Duy	02/03/1995	Phú Thọ	Nam	Khá	55.NTTS-1
3	55132972	Nguyễn Thị	Giang	20/10/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55.NTTS-1
4	55133552	Đào Văn	Hùng	26/07/1995	Nam Định	Nam	Trung bình	55.NTTS-1
5	55134387	Thập Châu	Liêm	16/04/1995	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	55.NTTS-1
6	55131322	Đặng Văn	Phi	02/08/1995	Nghệ An	Nam	Khá	55.NTTS-1
7	55133069	Nguyễn Văn	Phú	10/08/1994	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	55.NTTS-1
8	55131617	Trần Ngọc	Tấn	17/07/1995	Bình Định	Nam	Khá	55.NTTS-2

Danh sách có 08 sinh viên

20. Quản lý nguồn lợi thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55133102	Nguyễn Thị	Thoa	10/08/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.QLNL

Danh sách có 01 sinh viên

21. Quản lý thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55133332	Nguyễn Thị Bích	Phượng	17/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QLTS

Danh sách có 01 sinh viên

22. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54131255	Phan Huỳnh Anh	Thư	27/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.KDTM1
2	54130535	Lương Thị	Hoàng	19/09/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.KDTM2
3	55130686	Lê Thị Mỹ	Huệ	13/09/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.KDTM
4	55130778	Nguyễn Nguyên	Kha	09/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.KDTM
5	55133712	Lê Văn	Nguyên	06/11/1993	Đắk Nông	Nam	Khá	55.KDTM
6	55136004	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	08/11/1995	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	55.KDTM

Danh sách có 06 sinh viên

23. Kinh tế nông nghiệp

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55132765	Nguyễn Y Bình	27/03/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55.KTNN
2	55133212	Nguyễn Hoàn Hào	29/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KTNN
3	55132808	Nguyễn Kiều Mỹ Huyền	25/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.KTNN
4	55133070	Võ Trọng Phúc	31/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.KTNN
5	55132657	Trương Chí Tài	02/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.KTNN

Danh sách có 05 sinh viên

24. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55130109	Lê Minh Chánh	01/12/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.QTDL-1
2	55130684	Nguyễn Thị Huệ	04/02/1994	Thái Bình	Nữ	Khá	55.QTDL-1
3	55130989	Lê Thị Như Ly	25/03/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.QTDL-1
4	55131002	Nguyễn Thị Thanh Mai	20/08/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-1
5	55131802	Lê Thị Hồng Thoa	26/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-2
6	55132323	Ngô Xuân Viên	15/12/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-2
7	55132419	Lê Thị Như Ý	16/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-2

Danh sách có 07 sinh viên

25. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130479	Ngô Ngọc Hiền	06/06/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.QTKD-1
2	55133871	Phạm Nguyễn Thanh Liêm	17/12/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.QTKD-1
3	55130949	Nguyễn Đức Lộc	26/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.QTKD-1
4	55131525	Nguyễn Thị Son	20/05/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.QTKD-2
5	55131704	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTKD-2
6	55131828	Phan Hữu Thông	01/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.QTKD-2

Danh sách có 06 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ IV NĂM 2017

Theo Quyết định số 1009 /QĐ-ĐHNT ngày 12 /10 /2017

Loại hình đào tạo: **Cao đẳng chính quy**

1. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53160623	Võ Văn Lượm	27/03/1993	Phú Yên	Nam	Khá	53C.CBTS-1
2	55161649	Trương Thị Hồng Gấm	01/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55C.CBTS
3	56162438	Trương Thị Trúc Giang	11/09/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CBTS

Danh sách có 03 sinh viên

2. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55163270	Nguyễn Thành Long	30/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNTP-1
2	55160433	Lê Thúy Ly	14/11/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2
3	55161929	Phan Thị Thảo Ly	15/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2
4	55162008	Nguyễn Thị Nguyên	12/02/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2
5	55162033	Phạm Nguyễn Minh Nhật	08/03/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55C.CNTP-2
6	55160542	Dương Thị Nữ Nhi	06/10/1995	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2
7	55162085	Nguyễn Ngọc Nhật Phi	11/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2
8	55161308	Nguyễn Thị Bảo Phượng	17/10/1993	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2
9	55162210	Lê Văn Tâm	20/12/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55C.CNTP-2
10	55160710	Trần Thanh Thanh	07/12/1995	Bình Định	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2

2. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
11	55160850	Phuong Thị Trang	21/07/1995	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-3
12	55161003	Trần Thị Thanh Xuân	22/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55C.CNTP-3
13	56161258	Đỗ Thị Thu Bích	10/07/1996	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	56C.CNTP-1
14	56160637	Nguyễn Văn Danh	08/08/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56C.CNTP-1
15	56161099	Nguyễn Thị Thu Hà	10/02/1996	Phú Yên	Nữ	Trung bình	56C.CNTP-1
16	56160891	Nguyễn Thúy Hương	05/04/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56C.CNTP-1
17	56160748	Nguyễn Thị Hằng Nga	27/02/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56C.CNTP-2
18	56163361	Tổng Thị Kim Thoa	18/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNTP-3
19	56163484	Đặng Quang Thuyền	10/07/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTP-3
20	56161311	Nguyễn Thị Trang	21/10/1996	Đắk Lắk	Nữ	Khá	56C.CNTP-3

Danh sách có 20 sinh viên

3. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	56162042	Nguyễn Văn Hậu	05/04/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.DDT
2	56162762	Dương Văn Thiệu	01/01/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.DDT

Danh sách có 20 sinh viên

4. Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55161931	Cao Thị Thảo Ly	28/05/1995	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	55C.CNMT
2	55162330	Trần Lê Hồng Thúy	07/04/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55C.CNMT
3	56163067	Phạm Minh Thắng	14/05/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNMT
4	56161799	Võ Thị Mỹ Thoa	20/02/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNMT
5	56161888	Lê Thị Hồng Thủy	13/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNMT

Danh sách có 05 sinh viên

5. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55161500	Nguyễn Thế Anh	20/02/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNSH
2	55160169	Nguyễn Kiều Mỹ Duyên	09/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55C.CNSH
3	56162431	Nguyễn Thị Phi Trúc Ngân	21/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNSH

Danh sách có 03 sinh viên

6. Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	56161454	Nguyễn Đức Lâm	03/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNNL

Danh sách có 01 sinh viên

7. Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55160917	Nguyễn Ích Phi Trường	01/08/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55C.CNXD
2	56161714	Bùi Đắc Hậu	07/10/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNXD
3	56163224	Nguyễn Duy Thời	12/07/1994	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	56C.CNXD

Danh sách có 03 sinh viên

8. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54160620	Nguyễn Ngọc Sang	14/04/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.CNTT
2	54161019	Phù Quốc Trung	12/03/1992	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54C.CNTT
3	56163370	Nguyễn Thanh Hà	16/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNTT

Danh sách có 03 sinh viên

9. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	56162031	Lê Nguyễn Anh Thùy	14/03/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KDTM

Danh sách có 01 sinh viên

10. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55161268	Nguyễn Hồng Nhi	23/12/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55C.QTDL
2	55163109	Võ Lê Như Quỳnh Trân	13/12/1995	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	55C.QTDL
3	56163502	Ngô Thị Trường An	24/10/1996	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	56C.QTDL-1
4	56162657	Nguyễn Thị Lệ Hằng	28/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTDL-1
5	56162508	Dương Thị Mỹ Hương	03/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTDL-1
6	56161664	Nguyễn Thị Kiều My	12/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTDL-1
7	56161700	Ngô Ánh Nhật	15/03/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTDL-1
8	56163570	Nguyễn Quỳnh Ái Như	02/12/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTDL-1
9	56163493	Trần Ngọc Bảo	14/03/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	56C.QTDL-2
10	56162600	Bùi Thị Tố Trinh	23/01/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTDL-2
11	56161430	Trần Hoàng Khánh Trân	08/05/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTDL-2
12	56162936	Nguyễn Thị Tường Vy	20/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTDL-2

Danh sách có 12 sinh viên

11. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53160388	Lê Quốc Hùng	19/03/1992	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	53C.QTKD-3
2	53161599	Lê Đức Thạch	28/08/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	53C.QTKD-3
3	55163311	Nguyễn Tư Đông Chung	08/07/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	55C.QTKD-1
4	55160168	Võ Hải Duyên	19/03/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55C.QTKD-1
5	55162759	Dương Thị Ly Hồng	24/07/1995	Lâm Đồng	Nữ	Khá	55C.QTKD-1
6	55160726	Nguyễn Minh Thảo	01/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.QTKD-2
7	55160916	Mai Thị Thanh Trúc	20/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.QTKD-2
8	55161008	Nguyễn Thị Mỹ Yến	06/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.QTKD-2
9	56160089	Hà Vũ Linh	01/04/1996	Quảng Nam	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-1
10	56165019	Võ Thị Kim Ngân	25/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-1
11	56161228	Phan Thị Hoàng Nhi	28/05/1996	Khánh Hòa	Nữ	Khá	56C.QTKD-1
12	56162486	Nguyễn Thanh Vân	24/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-1
13	56160705	Nguyễn Minh Vũ	16/09/1994	Phú Yên	Nam	Trung bình	56C.QTKD-1
14	56160003	Nguyễn Hoàng Anh Ngọc	05/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-2
15	56163034	Lê Thị Thanh Vân	15/02/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-2

Danh sách có 15 sinh viên

12. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53161157	Nguyễn Thị Hồng Thảo	11/05/1993	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	53C.KT-4
2	55163319	Trương Nữ Nguyên Thảo	27/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KT-2
3	55160796	Mai Thanh Thùy	20/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KT-2
4	55160878	Lê Thị Thăng Trâm	05/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KT-2
5	56163494	Hồ Thị Mỹ Dương	04/09/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.KT-1
6	56163095	Trần Thị Cẩm Hằng	01/06/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	56C.KT-1
7	56162749	Bùi Thị Minh Hường	15/05/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-1
8	56160937	Nguyễn Thị Hồng Kiều	29/05/1996	Phú Yên	Nữ	Trung bình	56C.KT-1
9	56163584	Võ Ngọc Bảo Linh	30/05/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-1
10	56163175	Võ Nguyễn Thị Trúc Ly	27/08/1996	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	56C.KT-1

12. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
11	56165046	Trần Thị Hồng	22/08/1996	Nam Định	Nữ	Trung bình	56C.KT-1
12	56162662	Nguyễn Thị Quỳnh	12/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.KT-1
13	56163527	Võ Thị Kim	29/03/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.KT-1
14	56163141	Võ Nguyễn Thị Như	20/03/1995	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	56C.KT-2
15	56163601	Nguyễn Thu	22/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-2
16	56163497	Lê Thị Minh	29/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-2
17	56162376	Thái Thị Thanh	10/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-2
18	56163084	Trần Ngọc Phương	22/03/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-2
19	56163107	Nguyễn Thị Thanh	17/05/1996	Ninh Thuận	Nữ	Khá	56C.KT-2
20	56163591	Nguyễn Kiều	22/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-2
21	56161353	Phạm Minh	13/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-2
22	56161472	Võ Thị Thủy	05/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-2
23	56161438	Nguyễn Thị Ngọc	03/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-2
24	56161457	Nguyễn Thị Bích	24/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-2

Danh sách có 15 sinh viên

13. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53161308	Nguyễn Thanh	20/12/1993	Quảng Nam	Nam	Khá	53C.NTTS
2	55161581	Nguyễn Đình	08/05/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.NTTS
3	55162397	Nguyễn Đức	04/03/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.NTTS
4	56163178	Kiều Từ Tứ	01/06/1996	Ninh Thuận	Nam	Khá	56C.NTTS
5	56161445	Nguyễn Trọng	25/03/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.NTTS
6	56165042	Đặng Ngọc	27/10/1996	Bình Định	Nam	Trung bình	56C.NTTS

Danh sách có 06 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ IV NĂM 2017

Theo Quyết định số 1009 /QĐ-ĐHNT ngày 12 / 10 / 2017

Loại hình đào tạo: **Trung cấp chuyên nghiệp**

1. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55171092	Trần Thị Tường	08/09/1994	Khánh Hoà	Nữ	TB Khá	55T.CNTP

Danh sách có 01 sinh viên

2. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53170047	Lê Tuấn	27/09/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	53T.KTDN4
2	55172651	Phạm Thị Ngọc	25/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55T.KT

Danh sách có 01 sinh viên